

| A  |                                | B        |                                                                                                                                                                                            |  |                                                                                | C                            | D                           | E                             | F            |
|----|--------------------------------|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|--------------|
| 1  | CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ |          |                                                                                                                                                                                            |  | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM                                             |                              |                             |                               |              |
| 2  | THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TP HÀ NỘI   |          |                                                                                                                                                                                            |  | <u>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</u>                                             |                              |                             |                               |              |
| 3  |                                |          |                                                                                                                                                                                            |  | Hà Nội, ngày 08 tháng 01 năm 2026                                              |                              |                             |                               |              |
| 4  |                                |          |                                                                                                                                                                                            |  | PHỤ LỤC I                                                                      |                              |                             |                               |              |
| 5  |                                |          |                                                                                                                                                                                            |  | BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỜ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN            |                              |                             |                               |              |
| 6  |                                |          |                                                                                                                                                                                            |  | (Kèm theo Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư Pháp) |                              |                             |                               |              |
| 7  | TT                             | NỘI DUNG |                                                                                                                                                                                            |  | ĐIỂM CHUẨN                                                                     | ĐIỂM ĐẠT ĐƯỢC                |                             |                               |              |
| 8  |                                |          |                                                                                                                                                                                            |  |                                                                                | Công ty đấu giá hợp danh Bảo | Công ty đấu giá hợp danh TS | Công ty đấu giá hợp danh Việt |              |
| 9  |                                | I        | Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố                                                                                                         |  |                                                                                |                              |                             |                               |              |
| 10 |                                | 1        | Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố                                                                                                             |  |                                                                                | Đủ điều kiện                 | Đủ điều kiện                | Đủ điều kiện                  | Đủ điều kiện |
| 11 |                                | 2        | Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố                                                                                                       |  |                                                                                | Không đủ điều kiện           |                             |                               |              |
| 12 |                                | II       | Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá                                                                                             |  |                                                                                | 19                           | 18,5                        | 18                            | 19           |
| 13 |                                | I        | Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá                                                                                                                                                    |  |                                                                                | 10                           | 9,5                         | 9                             | 10           |
| 14 |                                | 1,1      | Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)                                                                                 |  |                                                                                | 5                            | 5                           | 5                             | 5            |
| 15 |                                | 1,2      | Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện                                                                                                  |  |                                                                                | 5                            | 4,5                         | 4                             | 5            |
| 16 |                                | 2        | Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá                                                                                                                                          |  |                                                                                | 5                            | 5                           | 5                             | 5            |
| 17 |                                | 2,1      | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá) |  |                                                                                | 2                            | 2                           | 2                             | 2            |
| 18 |                                | 2,2      | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)                                                                 |  |                                                                                | 3                            | 3                           | 3                             | 3            |



|    | A   | B                                                                                                                                                                                                                                                                          | C  | D  | E     | F     |
|----|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|----|-------|-------|
| 19 | 3   | Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cấp nhật thường xuyên<br>Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Công Thông tin điện tử của Sở Tư pháp | 2  | 2  | 2     | 2     |
| 20 | 4   | Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến                                                                                                                           | 1  | 1  | 1     | 1     |
| 21 | 5   | Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá                                                                                                                                                                                                                                               | 1  | 1  | 1     | 1     |
| 22 | III | Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)                                                                                                                                                                                      | 16 | 16 | 16    | 16    |
| 23 | 1   | Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao                                                                                                                                                                | 4  | 4  | 4     | 4     |
| 24 | 1,1 | Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả                                                                                                                                                                                                                                        | 2  | 2  | 2     | 2     |
| 25 | 1,2 | Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả                                                                                                                                                                                                                                | 2  | 2  | 2     | 2     |
| 26 | 2   | Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)                                                                                                                           | 4  | 4  | 4     | 4     |
| 27 | 3   | Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá                                                                                                                                                                         | 4  | 4  | 4     | 4     |
| 28 | 3,1 | Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật                                                                                                                                                                                                                                 | 2  | 2  | 2     | 2     |
| 29 | 3,2 | Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá                                                                                                                                                                                  | 2  | 2  | 2     | 2     |
| 30 | 4   | Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá                                                                                                                  | 4  | 4  | 4     | 4     |
| 31 | IV  | Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản                                                                                                                                                                                                                | 57 | 54 | 51,91 | 53,58 |
| 32 | 1   | Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)                                                                                                                                                        | 15 | 15 | 15    | 15    |
| 33 | 1,1 | Dưới 20 cuộc đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                       | 12 |    |       |       |
| 34 | 1,2 | Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá                                                                                                                                                                                                                                | 13 |    |       |       |
| 35 | 1,3 | TTừ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá                                                                                                                                                                                                                               | 14 |    |       |       |



| A  |     | B                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |   |   |      |      |  |
|----|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|------|------|--|
| o  | 1,4 | Từ 70 cuộc đấu giá trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | C | D | E    | F    |  |
| 37 | 2   | Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề<br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7 | 7 | 7    | 7    |  |
| 38 | 2,1 | Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4 |   |      |      |  |
| 39 | 2,2 | Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5 |   |      |      |  |
| 40 | 2,3 | Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 6 |   |      |      |  |
| 41 | 2,4 | Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7 | 7 | 7    | 7    |  |
| 42 | 3   | Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan)<br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                           | 7 | 7 | 7    | 7    |  |
| 43 | 3,1 | Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4 |   |      |      |  |
| 44 | 3,2 | Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5 |   |      |      |  |
| 45 | 3,3 | Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 6 |   |      |      |  |
| 46 | 3,4 | Từ 50 cuộc trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7 | 7 | 7    | 7    |  |
| 47 | 4   | Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)<br>Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm. | 3 | 3 | 1,91 | 2,58 |  |
| 48 | 4,1 | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm                                                                                                                                                                                                                                                            | 3 | 3 |      |      |  |
| 49 | 4,2 | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức:<br>Số điểm của B = (U x 3)/Y                                                                                                                                                                                                          |   |   |      | 2,58 |  |



|    | A   | B                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |   |   |   | C | D | E    | F |
|----|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---|---|---|------|---|
|    |     | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = (V x 3)/Y                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |   |   |   |   |   | 1,91 |   |
| 50 | 4,3 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |   |   |   |   |   |      |   |
| 51 | 5   | Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực)<br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7 | 6 | 5 | 5 |   |      |   |
| 52 | 5,1 | Có thời gian hoạt động dưới 05 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4 |   |   |   |   |      |   |
| 53 | 5,2 | Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5 |   | 5 | 5 |   |      |   |
| 54 | 5,3 | Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 6 | 6 |   |   |   |      |   |
| 55 | 5,4 | Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7 |   |   |   |   |      |   |
| 56 | 6   | Số lượng đầu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản<br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4 | 3 | 3 | 4 |   |      |   |
| 57 | 6,1 | 01 đầu giá viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2 |   |   |   |   |      |   |
| 58 | 6,2 | Từ 02 đến dưới 05 đầu giá viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 3 | 3 | 3 |   |   |      |   |
| 59 | 6,3 | Từ 05 đầu giá viên trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4 |   |   | 4 |   |      |   |
| 60 | 7   | Kinh nghiệm hành nghề của đầu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đầu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đầu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đầu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đầu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản)<br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 4 | 4 | 4 | 3 |   |      |   |



|    | A   | B                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | C | D | E | F |
|----|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---|---|
| 61 | 7,1 | Dưới 05 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2 |   |   |   |
| 62 | 7,2 | Từ 05 năm đến dưới 10 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 3 | 0 |   | 3 |
| 63 | 7,3 | Từ 10 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4 | 4 | 4 | 0 |
| 64 | 8   | Kinh nghiệm của đầu giá viên hành nghề<br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5 | 4 | 4 | 5 |
| 65 | 8,1 | Không có đầu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3 |   |   |   |
| 66 | 8,2 | Có từ 01 đến 03 đầu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4 | 4 | 4 |   |
| 67 | 8,3 | Có từ 4 đầu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5 |   |   | 5 |
| 68 | 9   | Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đầu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đầu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước)<br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 5 | 5 | 5 | 5 |
| 69 | 9,1 | Dưới 50 triệu đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 3 |   |   |   |
| 70 | 9,2 | Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4 |   |   |   |





|    | A   | B                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | C   | D    | E     | F     |
|----|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|------|-------|-------|
| 71 | 9,3 | Từ 100 triệu đồng trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5   | 5    | 5     | 5     |
| 72 | V   | Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định (Người có tài sản có thể chọn hoặc không chọn tiêu chí tại mục này để đánh giá chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tại mục này thì người có tài sản chọn một hoặc nhiều tiêu chí sau đây nhưng số điểm không được vượt quá mức tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt quá mức tối đa của mục này)                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8   | 6    | 5     | 7     |
| 73 | 1   | Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá<br>- Tài sản cùng loại được phân theo cùng một điểm quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật đấu giá tài sản được sửa đổi bỏ sung theo khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản; Người có tài sản đấu giá phải công khai các tiêu chí thành phần kèm theo số điểm đối với tiêu chí này (nếu có)<br>Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi có tài sản đấu giá (Trường hợp có nhiều tài sản đấu giá ở nhiều tỉnh, thành phố khác nhau thì chỉ cần trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá ở một trong số tỉnh, thành phố đó), không bao gồm trụ sở chi nhánh. | 3   | 2    | 2     | 2     |
| 74 | 2   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 3   | 3    | 3     | 3     |
| 75 | 3   | Có Hệ thống đấu giá trực tuyến đạt cấp độ 3 theo quy định pháp luật về bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2   | 1    |       | 2     |
| 76 | 4   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |     |      |       |       |
| 77 |     | Tổng số điểm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 100 | 94,5 | 90,91 | 95,58 |
| 78 |     | CHẤP HÀNH VIÊN                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |     |      |       |       |
| 79 |     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |     |      |       |       |
| 80 |     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |     |      |       |       |
| 81 |     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |     |      |       |       |
| 82 |     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |     |      |       |       |
| 83 |     | Nguyễn Thị Hoàng Huệ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |     |      |       |       |



CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ  
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TP HÀ NỘI

Số: 1025/TB-THADS.NV1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2026.

**THÔNG BÁO**  
Về kết quả lựa chọn tổ chức bán đấu giá

Căn cứ khoản 2 Điều 101 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Bản án số 389/2023/HSP.T ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội; Bản án số 05/2023/HSST ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội; Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 428/TB-TA ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định thi hành án số 414/QĐ-CTHADS ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung quyết định về thi hành án số 60/QĐ-THADS.NV1 ngày 03 tháng 12 năm 2025 của Trưởng Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội;

Căn cứ Lệnh kê biên tài sản số 37/LKB-CSKT-P9; Biên bản kê biên cùng ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an;

Căn cứ Hợp đồng dịch vụ thẩm định giá số 167/2025/1221/HĐTDG/PD ngày 08/12/2025 giữa Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội và Công ty cổ phần giám định và thẩm định giá Phương Đông;

Căn cứ Thông báo về kết quả thẩm định giá số 916/TB-THADS.NV1 ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội

Căn cứ Thông báo về việc lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản số 947/TB-THADS.NV1 ngày 05 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội;

Chấp hành viên Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội lựa chọn tổ chức bán đấu giá: Công ty đầu giá hợp danh Việt Nam (VPA). Địa chỉ: N02-T4.03, tầng 4 Tòa nhà N02 TNL Plaza Goldseason, số 47 Nguyễn Tuấn, phường Thanh Xuân, thành phố Hà Nội- Tổng số điểm được chấm: 95.58 điểm- để ký hợp đồng dịch vụ bán các tài sản sau:

+ 01 nhà biệt thự nhóm 3, diện tích 342.6m<sup>2</sup> tại số 99 phố Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội thuộc quyền sở hữu của Nguyễn Thị Thanh Nhân do ông Nguyễn Văn Mỹ đứng tên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số số CR021250; số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 14036 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 12/4/2019.

Ngày 20/6/2022, chuyển nhượng mang tên ông Nguyễn Quốc Việt theo Hợp đồng chuyển nhượng số 1601, quyền số 01/2022/TP/CC-SCC/HDGD lập ngày 13/6/2022 tại Văn phòng công chứng Vũ Nhân, tp Hà Nội.

Trên đất có 01 nhà biệt thự 02 tầng và 01 nhà khung sắt 02 tầng.

Giá khởi điểm để bán đấu giá: 310.767.201.000 đồng (Ba trăm mười tỷ bảy trăm sáu mươi bảy triệu hai trăm linh một nghìn đồng).

Vậy, thông báo để bà Nguyễn Thị Thanh Nhân, Bệnh viện đa khoa Đồng Nai biết./.

Nơi nhận:

- Dương sự; Cjy, b p, d l ;
- LD THADS (để b/c);;
- Viện kiểm sát nhân dân tp Hà Nội;
- ông Nguyễn Quốc Việt (để biết);
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN



Nguyễn Thị Hoàng Huệ